

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI CHÂU

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được kiểm toán.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Châu (tên cũ là Công ty Cổ phần Đại Châu) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0101030402 ngày 24 tháng 04 năm 2000 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Trong quá trình hoạt động Công ty đã 21 lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh để phù hợp với tình hình hoạt động của Công ty, trong đó lần đăng ký thay đổi thứ 21 ngày 17 tháng 11 năm 2011.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: 347.730.000.000 VND

Trụ sở hoạt động:

Địa chỉ : Tổ 23, Cụm 4, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội
Điện thoại : (04) 3719 4353
Fax : (04) 3718 3635
E-mail : daichaujsc@yahoo.com
Mã số thuế : 0 1 0 1 0 3 0 4 0 2

Ngành nghề kinh doanh:

- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu;
Chi tiết: Nhựa tổng hợp.
- Sản xuất sản phẩm từ plastic; Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh;
- Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy; Bán mô tô, xe máy;
- Bán buôn phân bón;
- Kinh doanh bất động sản;
- Kinh doanh mặt hàng ắc quy các loại;
- Kinh doanh mì ăn liền và rau quả, thực phẩm; Sản xuất, chế biến, mua bán hàng nông sản;
- Kinh doanh vận tải bằng ô tô; Vận chuyển hành khách theo tuyến cố định, Vận chuyển khách bằng taxi, vận chuyển khách theo hợp đồng, vận chuyển khách du lịch, vận tải hàng;
- Sản xuất, mua bán các mặt hàng cao su và sản phẩm làm từ cao su;
- Kinh doanh ô tô và linh phụ kiện thay thế; Lắp ráp, sửa chữa, bảo hành, bảo trì xe ô tô;
- Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa;
- Dịch vụ giới thiệu việc làm cho người lao động;
- Buôn bán thiết bị máy móc, vật tư ngành khoáng sản;
- Khai thác, chế biến khoáng sản;
- Sản xuất chế biến lâm sản;
- Môi giới bất động sản (trừ đất đai);
- Xây dựng dân dụng, giao thông;
- Kinh doanh khách sạn; Dịch vụ ăn uống (không bao gồm kinh doanh phòng hát karaoke, vũ trường, quán bar);
- Buôn bán tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng;
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh./.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI CHÂU

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 07 đến trang 40).

Trong năm, Công ty thực hiện trích lập các quỹ và chia cổ tức từ lợi nhuận sau thuế năm 2010, như sau:

| | <u>Số tiền (VND)</u> |
|-------------------------------------|-------------------------------------|
| Trích lập Quỹ Đầu tư phát triển | 1.507.349.066 |
| Trích lập Quỹ Dự phòng tài chính | 452.204.720 |
| Trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi | 452.204.720 |
| Chia cổ tức bằng cổ phiếu | 12.730.000.000 |
| Chi trả thù lao Hội đồng quản trị | 62.000.000 |
| Cộng | <u><u>15.203.758.506</u></u> |

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2011 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

| <u>Họ và tên</u> | <u>Chức vụ</u> |
|------------------------|----------------|
| Ông Đường Đức Hóa | Chủ tịch |
| Bà Trần Thị Ánh Nguyệt | Ủy viên |
| Bà Đặng Thanh Nga | Ủy viên |
| Ông Nguyễn Đức Năng | Ủy viên |
| Ông Nguyễn Chí Dũng | Ủy viên |

Ban kiểm soát

| <u>Họ và tên</u> | <u>Chức vụ</u> |
|----------------------|----------------|
| Bà Đường Lan Phương | Trưởng ban |
| Bà Vũ Hải Hà | Thành viên |
| Bà Trần Thị Kim Ngân | Thành viên |

Ban Tổng Giám đốc

| <u>Họ và tên</u> | <u>Chức vụ</u> |
|---------------------|-------------------|
| Ông Đường Đức Hóa | Tổng Giám đốc |
| Ông Nguyễn Đức Năng | Phó Tổng Giám đốc |

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C) đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI CHÂU

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Xác nhận của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Châu tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc

Đường Đức Hóa

Ngày 30 tháng 3 năm 2012

Số: 149/2012/BCTC-KT3

BÁO CÁO KIỂM TOÁN
VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2011
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI CHÂU

Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI CHÂU

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2011 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Châu gồm: Bảng cân đối kế toán tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 30 tháng 3 năm 2011, từ trang 07 đến trang 40 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến về các báo cáo này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

Báo cáo tài chính năm 2010 của Công ty cũng đã được chúng tôi kiểm toán. Chúng tôi đã phát hành Báo cáo kiểm toán số 149/2011/BCTC-KTTV-KT3 ngày 30 tháng 3 năm 2011 có dạng ý kiến giới hạn về phạm vi kiểm toán liên quan đến các vấn đề sau: Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn vào Công ty Cổ phần Đầu tư Phú Thượng, Công ty Cổ phần Xuân Minh SĐ Thanh Hoa và Công ty TNHH Dịch vụ Ứng dụng Tin học và Dịch vụ Du lịch ECCO đang được Công ty trích lập theo giá trị vốn góp thực tế của Công ty và tổng số vốn đầu tư của chủ sở hữu thực có của các Công ty này trên cơ sở nguồn số liệu là Báo cáo tài chính năm 2010 chưa được kiểm toán.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng thể Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Giới hạn về phạm vi kiểm toán

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn liên quan đến khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Phú Thượng (Công ty liên kết) tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 với giá gốc của khoản đầu tư là 50.000.000.000 VND và Công ty Cổ phần Xuân Minh SĐ Thanh Hoa (Công ty liên kết) với giá gốc của khoản đầu tư là 31.000.000.000 VND đang được Công ty trích lập theo giá trị vốn góp thực tế của Công ty và tổng số vốn đầu tư của chủ sở hữu thực có của các Công ty này trên cơ sở nguồn số liệu là Báo cáo tài chính năm 2011 chưa được kiểm toán.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của những vấn đề nêu trên, Báo cáo tài chính đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Châu tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Phó Giám đốc

Kiểm toán viên

Nguyễn Thị Tư

Chứng chỉ kiểm toán viên số: Đ.0059/KTV

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2011

Bùi Hoàng Phương

Chứng chỉ kiểm toán viên số: 1441/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI CHÂU

Địa chỉ: Tổ 23, cụm 4, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | Số | |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| | | | cuối năm | đầu năm |
| A - TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 317,545,171,131 | 133,773,110,910 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | V.1 | 1,497,482,224 | 3,919,041,704 |
| 1. Tiền | 111 | | 1,497,482,224 | 3,919,041,704 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | - | - |
| II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | 54,550,000,000 | 35,000,000,000 |
| 1. Đầu tư ngắn hạn | 121 | V.2 | 54,550,000,000 | 35,000,000,000 |
| 2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn | 129 | | - | - |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 92,480,259,960 | 36,606,780,067 |
| 1. Phải thu khách hàng | 131 | V.3 | 58,825,315,884 | 6,357,853,768 |
| 2. Trả trước cho người bán | 132 | V.4 | 33,991,878,632 | 29,350,189,906 |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn | 133 | | - | - |
| 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134 | | - | - |
| 5. Các khoản phải thu khác | 135 | V.5 | - | 1,370,688,889 |
| 6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 139 | V.6 | (336,934,556) | (471,952,496) |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | | 25,751,687,579 | 40,126,572,273 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | V.7 | 25,798,142,438 | 41,042,681,055 |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | V.8 | (46,454,859) | (916,108,782) |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 143,265,741,368 | 18,120,716,866 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | | - | - |
| 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | 152 | | 10,922,858,952 | 2,897,055,348 |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 154 | | - | - |
| 4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 157 | | - | - |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác | 158 | V.9 | 132,342,882,416 | 15,223,661,518 |

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI CHÂU

Địa chỉ: Tổ 23, cụm 4, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| B - TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 201,917,962,690 | 200,568,467,012 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | - | - |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng | 211 | | - | - |
| 2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc | 212 | | - | - |
| 3. Phải thu dài hạn nội bộ | 213 | | - | - |
| 4. Phải thu dài hạn khác | 218 | | - | - |
| 5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi | 219 | | - | - |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 76,231,292,900 | 50,819,713,836 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | V.10 | 51,230,625,299 | 25,815,548,439 |
| <i>Nguyên giá</i> | 222 | | 65,794,230,947 | 37,061,975,535 |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 223 | | (14,563,605,648) | (11,246,427,096) |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính | 224 | | - | - |
| <i>Nguyên giá</i> | 225 | | - | - |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 226 | | - | - |
| 3. Tài sản cố định vô hình | 227 | V.11 | 25,000,667,601 | 25,004,165,397 |
| <i>Nguyên giá</i> | 228 | | 25,010,493,400 | 25,010,493,400 |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 229 | | (9,825,799) | (6,328,003) |
| 4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 230 | | - | - |
| III. Bất động sản đầu tư | 240 | V.12 | 27,768,000,000 | 27,768,000,000 |
| <i>Nguyên giá</i> | 241 | | 27,768,000,000 | 27,768,000,000 |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 242 | | - | - |
| IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn | 250 | | 96,608,362,510 | 120,091,288,432 |
| 1. Đầu tư vào công ty con | 251 | V.13 | 20,740,000,000 | 20,740,000,000 |
| 2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh | 252 | V.14 | 81,000,000,000 | 100,500,000,000 |
| 3. Đầu tư dài hạn khác | 258 | V.15 | 1,000,000,000 | 1,000,000,000 |
| 4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn | 259 | V.16 | (6,131,637,490) | (2,148,711,568) |
| V. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 1,310,307,280 | 1,889,464,744 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | V.17 | 925,486,304 | 1,504,643,768 |
| 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 | | - | - |
| 3. Tài sản dài hạn khác | 268 | V.18 | 384,820,976 | 384,820,976 |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 519,463,133,821 | 334,341,577,922 |

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI CHÂU

Địa chỉ: Tô 23, cụm 4, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| A - NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 130,295,182,291 | 123,517,901,362 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 93,087,516,073 | 99,576,661,730 |
| 1. Vay và nợ ngắn hạn | 311 | V.19 | 71,327,115,812 | 78,066,415,764 |
| 2. Phải trả người bán | 312 | V.20 | 1,074,081,181 | 11,647,847,569 |
| 3. Người mua trả tiền trước | 313 | V.21 | 11,502,600,000 | 4,087,651,233 |
| 4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 314 | V.22 | 7,083,578,900 | 4,008,782,597 |
| 5. Phải trả người lao động | 315 | | 608,175,205 | - |
| 6. Chi phí phải trả | 316 | V.23 | 781,268,765 | 550,986,378 |
| 7. Phải trả nội bộ | 317 | | - | - |
| 8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 318 | | - | - |
| 9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác | 319 | V.24 | 147,635,217 | 835,098,868 |
| 10. Dự phòng phải trả ngắn hạn | 320 | | - | - |
| 11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 323 | V.25 | 563,060,993 | 379,879,321 |
| 12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 327 | | - | - |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | 37,207,666,218 | 23,941,239,632 |
| 1. Phải trả dài hạn người bán | 331 | | - | - |
| 2. Phải trả dài hạn nội bộ | 332 | | - | - |
| 3. Phải trả dài hạn khác | 333 | | - | - |
| 4. Vay và nợ dài hạn | 334 | V.26 | 37,198,525,818 | 20,309,231,651 |
| 5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 335 | | - | - |
| 6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm | 336 | | 9,140,400 | 9,140,400 |
| 7. Dự phòng phải trả dài hạn | 337 | | - | - |
| 8. Doanh thu chưa thực hiện | 338 | | - | 3,622,867,581 |
| 9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ | 339 | | - | - |
| B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 389,167,951,530 | 210,823,676,560 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | V.27 | 389,167,951,530 | 210,823,676,560 |
| 1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu | 411 | | 347,730,000,000 | 163,752,780,000 |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | 29,624,176,600 | 29,695,595,500 |
| 3. Vốn khác của chủ sở hữu | 413 | | - | - |
| 4. Cổ phiếu quỹ | 414 | | (3,010,000) | (3,010,000) |
| 5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản | 415 | | - | - |
| 6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 416 | | - | - |
| 7. Quỹ đầu tư phát triển | 417 | | 2,991,017,911 | 1,483,668,845 |
| 8. Quỹ dự phòng tài chính | 418 | | 688,205,141 | 236,000,421 |
| 9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 419 | | - | - |
| 10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 420 | | 8,137,561,878 | 15,658,641,794 |
| 11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản | 421 | | - | - |
| 12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp | 422 | | - | - |
| II. Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | | - | - |
| 1. Nguồn kinh phí | 432 | | - | - |
| 2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định | 433 | | - | - |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 519,463,133,821 | 334,341,577,922 |

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI CHÂU

Địa chỉ: Tô 23, cụm 4, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2011

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | |
|--|-------|-------------|----------------------|-----------------------|
| | | | Năm nay | Năm trước |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | VI.1 | 414,112,166,863 | 298,275,156,776 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | | - | - |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | | 414,112,166,863 | 298,275,156,776 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | VI.2 | 384,154,415,176 | 266,221,229,170 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | 29,957,751,687 | 32,053,927,606 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | VI.3 | 12,993,453,408 | 4,179,776,018 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | VI.4 | 25,066,273,284 | 10,983,359,303 |
| Trong đó: chi phí lãi vay | 23 | | 18,355,128,480 | 6,447,549,623 |
| 8. Chi phí bán hàng | 24 | VI.5 | 3,104,155,966 | 1,478,859,935 |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 25 | VI.6 | 8,626,002,882 | 4,630,592,240 |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | 6,154,772,963 | 19,140,892,146 |
| 11. Thu nhập khác | 31 | VI.7 | 3,486,730,798 | 987,420,895 |
| 12. Chi phí khác | 32 | VI.8 | 282,996,585 | 543,902,438 |
| 13. Lợi nhuận khác | 40 | | 3,203,734,213 | 443,518,457 |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | 9,358,507,176 | 19,584,410,603 |
| 15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51 | | 1,675,828,586 | 4,510,919,951 |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | 52 | | - | - |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | | <u>7,682,678,590</u> | <u>15,073,490,652</u> |
| 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | VI.9 | <u>-</u> | <u>-</u> |

Lập, ngày 01 tháng 3 năm 2011

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Vương Thị Ánh Duyên

Đặng Thanh Nga

Đường Đức Hóa

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI CHÂU

Địa chỉ: Tô 23, cụm 4, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2011

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|---|-----------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | | 9,358,507,176 | 19,584,410,603 |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản: | | | | |
| - Khấu hao tài sản cố định | 02 | | 3,320,676,348 | 3,366,782,814 |
| - Các khoản dự phòng | 03 | | 2,978,254,059 | 1,364,152,071 |
| - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện | 04 | | 702,703,085 | 791,857,672 |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | | (12,514,488,890) | (4,067,898,089) |
| - Chi phí lãi vay | 06 | | 18,355,128,480 | 6,447,549,623 |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | | 22,200,780,258 | 27,486,854,694 |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu | 09 | | (169,785,762,025) | (18,404,763,450) |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho | 10 | | 15,244,538,617 | (2,593,959,900) |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả | 11 | | (5,304,143,423) | (14,801,719,274) |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước | 12 | | 579,157,464 | (1,498,012,261) |
| - Tiền lãi vay đã trả | 13 | | (18,282,708,601) | (6,162,633,798) |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 14 | | - | (4,467,734,734) |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 15 | | 16,361,518 | 303,723,434 |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 16 | | (331,023,048) | (751,986,284) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | | (155,662,799,240) | (20,890,231,573) |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 21 | | (42,853,620,567) | (72,769,438,636) |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 22 | | - | - |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | | (22,250,000,000) | (81,900,000,000) |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | | 2,700,000,000 | 48,600,000,000 |
| 5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác | 25 | | (16,100,000,000) | (107,550,000,000) |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác | 26 | | 43,875,000,000 | - |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | | 7,311,288,890 | 2,748,209,200 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | | (27,317,331,677) | (210,871,229,436) |

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI CHÂU

Địa chỉ: Tô 23, cụm 4, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|--|-----------|-------------|------------------------|------------------------|
| | | | | |
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | | |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu | 31 | | 171,175,801,100 | 158,374,845,500 |
| 2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32 | | - | (153,010,000) |
| 3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được | 33 | | 324,893,613,571 | 153,561,659,949 |
| 4. Tiền chi trả nợ gốc vay | 34 | | (315,510,845,734) | (78,089,327,582) |
| 5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính | 35 | | - | - |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | | - | - |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | | 180,558,568,937 | 233,694,167,867 |
| Lưu chuyển tiền thuần trong năm | 50 | | (2,421,561,980) | 1,932,706,858 |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm | 60 | V.1 | 3,919,041,704 | 1,986,461,959 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | | 2,500 | (127,113) |
| Tiền và tương đương tiền cuối năm | 70 | V.1 | 1,497,482,224 | 3,919,041,704 |

Lập, ngày 01 tháng 3 năm 2011

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Vương Thị Ánh Duyên

Đặng Thanh Nga

Đường Đức Hóa

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI CHÂU

Địa chỉ: Tổ 23, cụm 4, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2011

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- 1. Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần
- 2. Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất, thương mại.
- 3. Hoạt động chính trong năm** : Sản xuất, lắp đặt các loại sản phẩm đồ gỗ; Kinh doanh ô tô; xe máy; Kinh doanh mũ cao su các loại./.
- 4. Nhân viên**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 Công ty có 59 nhân viên đang làm việc (cuối năm trước là 116 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- 1. Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- 1. Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
- 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.
- 3. Hình thức kế toán áp dụng**
Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**
Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI CHÂU

Địa chỉ: Tổ 23, cụm 4, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp nhập trước, xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

| <u>Loại tài sản cố định</u> | <u>Số năm</u> |
|---------------------------------|---------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 06 – 25 |
| Máy móc và thiết bị | 05 – 12 |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 06 - 10 |
| Tài sản cố định khác | 03 - 08 |

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI CHÂU

Địa chỉ: Tổ 23, cụm 4, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí.

7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ...Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

8. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

9. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI CHÂU

Địa chỉ: Tổ 23, cụm 4, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Chi phí trả trước dài hạn

Là các chi phí cải tạo, làm nội thất văn phòng thuê tại tòa nhà 59 Quang Trung được tập hợp theo số thực tế phát sinh đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ là 36 tháng.

11. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

12. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chỉ tiêu Thặng dư vốn cổ phần.

13. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

14. Trích lập các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Điều lệ Công ty như sau:

| | Mục đích | Tỷ lệ trích lập từ lợi nhuận sau thuế |
|-----------------------------|--|---------------------------------------|
| • Quỹ đầu tư phát triển | Mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu của Công ty | 10% |
| • Quỹ dự phòng tài chính | Bù đắp những tổn thất, thiệt hại xảy ra trong quá trình kinh doanh hoặc các trường hợp bất khả kháng, ngoài dự kiến như thiên tai, hỏa hoạn,.... | 3% |
| • Quỹ khen thưởng, phúc lợi | Khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động | 3% |

15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI CHÂU

Địa chỉ: Tổ 23, cụm 4, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

16. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được quy đổi theo tỷ giá tại ngày cuối năm.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2010 : 18.932 VND/USD
31/12/2011 : 20.828 VND/USD

17. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hoá, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI CHÂU

Địa chỉ: Tổ 23, cụm 4, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

18. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

19. Nợ phải trả tài chính

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI CHÂU

Địa chỉ: Tổ 23, cụm 4, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phân ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

20. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.2.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI CHÂU

Địa chỉ: Tổ 23, cụm 4, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| Tiền mặt | 997.362.680 | 3.130.528.597 |
| Tiền gửi ngân hàng | 500.119.544 | 788.513.107 |
| Cộng | <u>1.497.482.224</u> | <u>3.919.041.704</u> |

2. Đầu tư ngắn hạn

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|------------------------------|------------------------------|
| <i>Là các khoản cho vay ngắn hạn</i> | | |
| Công ty Cổ phần DC Phú Hà vay với lãi suất 0,8%/tháng, thời gian vay là 12 tháng | 8.500.000.000 | |
| Công ty Cổ phần Xuân Minh SD Thanh Hoa vay với lãi suất 10%/năm, thời gian vay là 12 tháng | 30.000.000.000 | 30.000.000.000 |
| Công ty Cổ phần Xuân Minh SD Thanh Hoa vay với lãi suất 2%/tháng thời gian vay là 9 tháng | 250.000.000 | |
| Ông Nguyễn Thanh Trí vay với lãi suất 1,5%/tháng, thời gian vay là 12 tháng | 5.000.000.000 | 5.000.000.000 |
| Ông Nguyễn Kim Tuấn vay với lãi suất 1,7%/tháng, thời gian vay là 12 tháng | 1.500.000.000 | |
| Ông Đường Đức Hoá vay với lãi suất 0,8%/tháng thời gian vay là 6 tháng | 5.000.000.000 | |
| Ông Đường Đức Hoá vay với lãi suất 0,8%/tháng thời gian vay là 9 tháng | 4.300.000.000 | |
| Cộng | <u>54.550.000.000</u> | <u>35.000.000.000</u> |

3. Phải thu khách hàng

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|-----------------------|------------------------------|-----------------------------|
| Khách hàng trong nước | 58.319.095.544 | 5.463.473.524 |
| Khách hàng nước ngoài | 506.220.340 | 894.380.244 |
| Cộng | <u>58.825.315.884</u> | <u>6.357.853.768</u> |

4. Trả trước cho người bán

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|-----------------------------|------------------------------|------------------------------|
| Nhà cung cấp trong nước (*) | 16.999.988.900 | 16.688.058.807 |
| Nhà cung cấp nước ngoài | 16.991.889.732 | 12.662.131.099 |
| Cộng | <u>33.991.878.632</u> | <u>29.350.189.906</u> |

(*) Tại ngày 31/12/2011, Công ty đã ứng trước cho các cá nhân số tiền 16.214.599.000 VND để mua quyền sử dụng 4.848,5 m² đất thương phẩm thuộc dự án khu biệt thự, nhà vườn, dịch vụ giải trí và du lịch Quang Minh tại xã Quang Minh (Mê Linh, Vĩnh Phúc) do Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Long Việt làm chủ đầu tư. Số còn phải thanh toán theo các hợp đồng là 1.800.000.000 VND. Đến thời điểm lập Báo cáo này, Công ty chưa hoàn tất các thủ tục để được cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI CHÂU

Địa chỉ: Tổ 23, cụm 4, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Phải thu khác

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|--------------------|----------------------|
| Lãi dự thu các khoản cho vay | | 198.888.889 |
| Cổ tức phải thu Công ty Cổ phần DC Phú Hà | | 1.171.800.000 |
| Cộng | | 1.370.688.889 |

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|----------------------------|--------------------|--------------------|
| Số đầu năm | 471.952.496 | 263.143.500 |
| Trích lập dự phòng bổ sung | 118.175.296 | 208.808.996 |
| Hoàn nhập dự phòng | (253.193.236) | |
| Số cuối năm | 336.934.556 | 471.952.496 |

7. Hàng tồn kho

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Hàng mua đang đi trên đường | 9.047.500.000 | 7.980.000.000 |
| Nguyên liệu, vật liệu | 6.241.261.421 | 12.319.241.663 |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | 7.561.678.917 | 10.834.971.793 |
| Thành phẩm | 1.085.522.415 | 1.899.346.906 |
| Hàng hóa | 1.862.179.685 | 8.009.120.693 |
| Cộng | 25.798.142.438 | 41.042.681.055 |

8. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|-------------|---------------------|----------------------|
| Thành phẩm | (46.454.859) | (916.108.782) |
| Cộng | (46.454.859) | (916.108.782) |

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--------------------|-------------------|--------------------|
| Số đầu năm | 916.108.782 | 1.909.477.275 |
| Hoàn nhập dự phòng | (869.653.923) | (993.368.493) |
| Số cuối năm | 46.454.859 | 916.108.782 |

9. Tài sản ngắn hạn khác

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|------------------------|-----------------------|
| Tạm ứng | 132.342.882.416 | 15.207.300.000 |
| Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn | | 16.361.518 |
| Cộng | 132.342.882.416 | 15.223.661.518 |

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI CHÂU

Địa chỉ: Tổ 23, cụm 4, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

| | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc và thiết bị | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | Thiết bị, dụng cụ quản lý | Tài sản cố định khác | Cộng |
|--|---------------------------|------------------------|------------------------------------|------------------------------|-------------------------|-----------------------|
| Nguyên giá | | | | | | |
| Số đầu năm | 8.706.042.605 | 26.467.511.004 | 1.557.533.333 | | 330.888.593 | 37.061.975.535 |
| Tăng do mua sắm mới trong năm | | 28.690.969.958 | | 41.285.454 | | 28.732.255.412 |
| Giảm trong năm | | | | | | |
| Số cuối năm | 8.706.042.605 | 55.158.480.962 | 1.557.533.333 | 41.285.454 | 330.888.593 | 65.794.230.947 |
| <i>Trong đó:</i> | | | | | | |
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng | 312.001.340 | 3.554.885.248 | | | 197.933.964 | 4.064.820.552 |
| Giá trị hao mòn | | | | | | |
| Số đầu năm | 2.813.923.189 | 7.861.520.651 | 283.258.863 | | 287.724.393 | 11.246.427.096 |
| Tăng trong năm do trích khấu hao | 672.933.629 | 2.399.470.401 | 219.691.668 | 3.922.119 | 21.160.735 | 3.317.178.552 |
| Giảm trong năm | | | | | | |
| Số cuối năm | 3.486.856.818 | 10.260.991.052 | 502.950.531 | 3.922.119 | 308.885.128 | 14.563.605.648 |
| Giá trị còn lại | | | | | | |
| Số đầu năm | 5.892.119.416 | 18.605.990.353 | 1.274.274.470 | | 43.164.200 | 25.815.548.439 |
| Số cuối năm | 5.219.185.787 | 44.897.489.910 | 1.054.582.802 | 37.363.335 | 22.003.465 | 51.230.625.299 |

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 55.613.706.751 VND và 45.079.593.049 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Quang Minh.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI CHÂU

Địa chỉ: Tổ 23, cụm 4, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

11. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

| | Quyền sử dụng đất | Phần mềm máy tính | Cộng |
|----------------------------------|-----------------------|----------------------|-----------------------|
| Nguyên giá | | | |
| Số đầu năm | 25.000.000.000 | 10.493.400 | 25.010.493.400 |
| Tăng trong năm | | | |
| Số cuối năm | 25.000.000.000 | 10.493.400 | 25.010.493.400 |
| Giá trị hao mòn | | | |
| Số đầu năm | | 6.328.003 | 6.328.003 |
| Tăng trong năm do trích khấu hao | | 3.497.796 | 3.497.796 |
| Số cuối năm | | 9.825.799 | 9.825.799 |
| Giá trị còn lại | | | |
| Số đầu năm | 25.000.000.000 | 4.165.397 | 25.004.165.397 |
| Số cuối năm | 25.000.000.000 | 667.601 | 25.000.667.601 |

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách là 25.000.000.000 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam – Chi nhánh Tân Sơn Nhất.

12. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư 27.768.000.000 VND là giá trị quyền sử dụng 3.386,6 m² đất tại khu cây đa tại Phương Bảng, Song Phương, Hoài Đức, Hà Nội, thời hạn sử dụng đến năm 2043, mục đích sử dụng đất là đất trồng cây ăn quả lâu năm. Lô đất này được Công ty mua lại của cá nhân và Hội đồng Quản trị đã ủy quyền cho Ông Đường Đức Hóa – Chủ tịch Hội đồng Quản trị đứng tên trên Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất. Tại thời điểm cuối năm Công ty chưa có thông tin để xác định giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư trên.

13. Đầu tư vào công ty con

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|--|-------------|-----------------------|------------|-----------------------|
| | Số lượng | Giá trị | Số lượng | Giá trị |
| Công ty Cổ phần DC Phú Hà ⁽ⁱ⁾ | 1.674.000 | 16.740.000.000 | 1.674.000 | 16.740.000.000 |
| Công ty TNHH Thương mại - Xuất nhập khẩu Đại Châu ⁽ⁱⁱ⁾ | | 4.000.000.000 | | 4.000.000.000 |
| Cộng | | 20.740.000.000 | | 20.740.000.000 |

⁽ⁱ⁾ Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2500277451 thay đổi lần 1 ngày 27 tháng 04 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần DC Phú Hà là 16.740.000.000 VND, tương đương 55,8% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty nắm giữ 1.674.000 cổ phiếu, tương đương 55,8% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần DC Phú Hà.

⁽ⁱⁱ⁾ Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103428982 thay đổi lần 2 ngày 09 tháng 7 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, Công ty đầu tư vào TNHH Thương mại - Xuất nhập khẩu Đại Châu là 4.000.000.000 VND, tương đương 53,3% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty nắm giữ 53,33% vốn điều lệ của Công ty TNHH Thương mại - Xuất nhập khẩu Đại Châu.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI CHÂU

Địa chỉ: Tổ 23, cụm 4, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

14. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|--|-------------|-----------------------|------------|------------------------|
| | Số lượng | Giá trị | Số lượng | Giá trị |
| Công ty Cổ phần Xuân Minh SĐ Thanh Hoa ⁽ⁱ⁾ | 3.200.000 | 31.000.000.000 | 1.500.000 | 15.000.000.000 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Phú Thượng ⁽ⁱⁱ⁾ | 500.000 | 50.000.000.000 | 500.000 | 50.000.000.000 |
| Công ty TNHH Dịch vụ Ứng dụng Tin học và Dịch vụ Du lịch ECCO ⁽ⁱⁱⁱ⁾ | | | | 35.500.000.000 |
| Cộng | | 81.000.000.000 | | 100.500.000.000 |

(i) Theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 01/10/HĐHTĐT ngày 12 tháng 3 năm 2010 giữa Công ty và Công ty Cổ phần Xuân Minh SĐ Thanh Hoa. Nội dung của hợp đồng hợp tác đầu tư để khai thác mỏ Chi kềm, đầu tư nhà máy tuyển tinh quặng Chi kềm, nhà máy luyện kim loại Chi kềm, trong năm Công ty đã đầu tư thêm vào Công ty Cổ phần Xuân Minh SĐ Thanh Hoa 15.000.000.000 VND và 1.000.000.000 VND mua lại 200.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Xuân Minh SĐ Thanh Hoa từ ông Nguyễn Mộng Hải. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư 31.000.000.000 VND, tương đương 40% vốn điều lệ (số đầu năm là 15.000.000.000 VND, tương đương 18,75% vốn điều lệ).

(ii) Theo hợp đồng chuyển nhượng cổ phần Công ty đã nhận chuyển nhượng lại 500.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư Phú Thượng với giá mua là 50.000.000.000 VND, tương đương với 50% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty nắm giữ 500.000 cổ phần, tương đương 50% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư Phú Thượng.

(iii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100232660 ngày 23 tháng 12 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Dịch vụ Ứng dụng Tin học và Dịch vụ Du lịch ECCO 37.500.000.000 VND, tương đương 50% vốn điều lệ. Trong năm Công ty đã thanh lý khoản đầu tư tại Công ty TNHH Dịch vụ Ứng dụng Tin học và Dịch vụ Du lịch ECCO với giá trị chuyển nhượng là 43.875.000.000 VND.

15. Đầu tư dài hạn khác

Là khoản góp vốn theo hợp đồng nguyên tắc số 03/2010/HĐNT ngày 26 tháng 4 năm 2010 giữa Công ty và Công ty Cổ phần Tập đoàn Hạ Long về việc hợp tác đầu tư Hệ thống kho bãi tại khu Đô thị và phi thuế quan tại phường Hải Hòa, thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh.

16. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|------------------------|------------------------|
| Công ty Cổ phần Đầu tư Phú Thượng | (1.101.649.893) | (1.686.392.956) |
| Công ty TNHH Dịch vụ Ứng dụng Tin học và Dịch vụ Du lịch ECCO | | (462.318.612) |
| Công ty Cổ phần DC Phú Hà | (5.029.987.597) | |
| Cộng | (6.131.637.490) | (2.148.711.568) |

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn như sau:

| | Năm nay | Năm trước |
|----------------------------|----------------------|----------------------|
| Số đầu năm | 2.148.711.568 | |
| Trích lập dự phòng bổ sung | 5.029.987.597 | 2.148.711.568 |
| Hoàn nhập dự phòng | (1.047.061.675) | |
| Số cuối năm | 6.131.637.490 | 2.148.711.568 |

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI CHÂU

Địa chỉ: Tổ 23, cụm 4, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

17. Chi phí trả trước dài hạn

Là chi phí làm nội thất văn phòng 59 Quang Trung.

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--------------------------|---------------------------|-----------------------------|
| Số đầu năm | 1.504.643.768 | |
| Phát sinh tăng | | 1.737.472.373 |
| Phân bổ vào chi phí SXKD | (579.157.464) | (232.828.605) |
| Số cuối năm | <u>925.486.304</u> | <u>1.504.643.768</u> |

18. Tài sản dài hạn khác

Là khoản ký cược, ký quỹ dài hạn.

19. Vay và nợ ngắn hạn

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|------------------------------|------------------------------|
| <i>Vay ngắn hạn ngân hàng</i> | <u>62.978.070.548</u> | <u>74.530.084.148</u> |
| Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Quang Minh ⁽ⁱ⁾ | 31.388.676.250 | 39.261.124.148 |
| Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh thành phố Hà Nội | | 14.999.960.000 |
| Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Hai Bà Trưng ⁽ⁱⁱ⁾ | 31.589.394.298 | 20.269.000.000 |
| <i>Vay dài hạn đến hạn trả</i> (xem thuyết minh số V.27) | <u>8.349.045.264</u> | <u>3.536.331.616</u> |
| Cộng | <u>71.327.115.812</u> | <u>78.066.415.764</u> |

(i) Bao gồm 03 khoản vay: Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Quang Minh theo hợp đồng tín dụng hạn mức 10.32.0038 ngày 20/10/2010, số tiền 9.050.000.000 VND để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh; Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng 11.32.0001 ngày 25/10/2011 số tiền 14.958.676.250 VND để bổ sung vốn lưu động phục vụ kinh doanh thương mại ô tô và cao su; Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng 11.46.0002 ngày 28/11/2011, số tiền 7.380.000.000 VND, để phục vụ kinh doanh mũ cao su và ô tô.

(ii) Bao gồm 03 khoản vay: Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 120140/HDDTD2-VIB12/10 ngày 18/10/2010 để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh; Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 0120222/HDTD-VIBHBT/11 ngày 16/11/2011 để vay bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh; Khoản vay theo hợp đồng 120337/2011/004 ngày 16/12/2011; Số tiền vay: 4.800.000.000VND, thời hạn vay 20 ngày; để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay như sau:

| | <u>Vay ngắn hạn ngân hàng</u> | <u>Vay dài hạn đến hạn trả</u> | <u>Cộng</u> |
|---------------------------|-----------------------------------|------------------------------------|------------------------------|
| Số đầu năm | 74.530.084.148 | 3.536.331.616 | 78.066.415.764 |
| Số tiền vay phát sinh | 299.931.750.518 | | 299.931.750.518 |
| Kết chuyển từ vay dài hạn | | 8.343.295.264 | 8.343.295.264 |
| Số tiền vay đã trả | (311.483.764.118) | (3.530.581.616) | (315.014.345.734) |
| Số cuối năm | <u>62.978.070.548</u> | <u>8.349.045.264</u> | <u>71.327.115.812</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI CHÂU

Địa chỉ: Tổ 23, cụm 4, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

20. Phải trả người bán

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|-------------------------|-----------------------------|------------------------------|
| Nhà cung cấp trong nước | 1.074.081.181 | 11.490.908.672 |
| Nhà cung cấp nước ngoài | | 156.938.897 |
| Cộng | <u>1.074.081.181</u> | <u>11.647.847.569</u> |

21. Người mua trả tiền trước

Là các khoản người mua trong nước ứng trước tiền lắp đặt nội thất gỗ và mua ô tô.

22. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

| | <u>Số đầu năm</u> | <u>Số phải nộp trong năm</u> | <u>Số đã nộp trong năm</u> | <u>Số cuối năm</u> |
|----------------------------|-----------------------------|------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| Thuế GTGT hàng bán nội địa | | 1.267.415.874 | 265.946.645 | 1.001.469.229 |
| Thuế GTGT hàng nhập khẩu | | 2.866.937.696 | 2.866.937.696 | |
| Thuế xuất, nhập khẩu | 505.904.691 | 951.589.042 | 582.288.786 | 875.204.947 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 3.502.877.906 | 1.675.828.586 | | 5.178.706.492 |
| Thuế thu nhập cá nhân | | 32.773.140 | 4.574.908 | 28.198.232 |
| Các loại thuế khác | | 4.000.000 | 4.000.000 | |
| Cộng | <u>4.008.782.597</u> | <u>6.798.544.338</u> | <u>3.723.748.035</u> | <u>7.083.578.900</u> |

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

| | |
|------------------------------|-----|
| Hàng hóa tiêu thụ trong nước | 10% |
| Hàng hóa xuất khẩu | 0% |

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 25%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|----------------|------------------|
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 9.358.507.176 | 19.584.410.603 |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp: | | |
| Điều chỉnh tăng các khoản chi phí không hợp lệ | | 431.069.201 |
| Điều chỉnh tăng các khoản phạt chậm nộp thuế | 282.179.466 | |
| Cổ tức, lợi nhuận được chia | | (1.971.800.000) |
| Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện | (64.523.293) | |

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI CHÂU

Địa chỉ: Tổ 23, cụm 4, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---|----------------------|----------------------|
| Thu nhập tính thuế | 9.576.163.349 | 18.043.679.804 |
| Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp | 25% | 25% |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông | 2.394.040.837 | 4.510.919.951 |
| Thuế TNDN được giảm theo Thông tư 154 | (718.212.251) | |
| Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp | 1.675.828.586 | 4.510.919.951 |

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

23. Chi phí phải trả

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|--------------------|--------------------|
| Chi phí lãi vay phải trả | 399.688.074 | 327.268.195 |
| Chi phí dịch vụ đã phát sinh | | 223.718.183 |
| Chi phí thuê văn phòng Quang Trung quý 4/2011 | 381.580.691 | |
| Cộng | 781.268.765 | 550.986.378 |

24. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|------------------------------|--------------------|--------------------|
| Kinh phí công đoàn | 135.098.868 | 135.098.868 |
| Bảo hiểm xã hội | 12.536.349 | |
| Các khoản vay không tính lãi | | 700.000.000 |
| Cộng | 147.635.217 | 835.098.868 |

25. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

| | <u>Số đầu năm</u> | <u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u> | <u>Chi quỹ trong năm</u> | <u>Số cuối năm</u> |
|-----------------|--------------------|---------------------------------------|--------------------------|--------------------|
| Quỹ khen thưởng | 143.878.900 | | | 143.878.900 |
| Quỹ phúc lợi | 236.000.421 | 452.204.720 | 269.023.048 | 419.182.093 |
| Cộng | 379.879.321 | 452.204.720 | 269.023.048 | 563.060.993 |

26. Vay và nợ dài hạn

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|-----------------------|-----------------------|
| Là các khoản vay dài hạn ngân hàng | | |
| Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Quang Minh ⁽ⁱ⁾ | 25.768.525.818 | 7.347.731.651 |
| Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam - Chi nhánh Tân Sơn Nhất ⁽ⁱⁱ⁾ | 11.430.000.000 | 12.465.000.000 |
| Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Hoàng Quốc Việt | | 496.500.000 |
| Cộng | 37.198.525.818 | 20.309.231.651 |

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI CHÂU

Địa chỉ: Tổ 23, cụm 4, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (i) Bao gồm 02 khoản vay:
- + Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam theo hợp đồng tín dụng số 09.19.0020/HĐTD ngày 13/7/2009, thời hạn vay 66 tháng dùng để đầu tư dây chuyền chế biến đồ gỗ trang trí nội, ngoại thất và cải tạo nhà xưởng, Showroom bán hàng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay trong tương lai của dự án đầu tư.
 - + Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 11.32.0001/HĐTD ngày 16/6/2011, thời hạn vay: 66 tháng dùng để đầu tư dây chuyền sản xuất nhựa bao bì công suất 10.540 tấn/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành trong tương lai của dự án đầu tư dây chuyền sản xuất nhựa bao bì theo hợp đồng thế chấp tài sản số 11.32.0001A/HĐTC ngày 16/6/2011, giá trị tài sản đảm bảo: 55.350.000.000VND
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam – Chi nhánh Tân Sơn Nhất theo hợp đồng tín dụng số 2102-LAW-201000 237 ngày 16 tháng 6 năm 2010 để bổ sung vốn thanh toán tiền mua 2 căn nhà tại 79 và 81 đường Trần Quốc Hoàn, phường 4, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh và số 81 đường Trần Quốc Hoàn, phường 4, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sở hữu hai tài sản hình thành từ vốn vay nêu trên.

Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|------------------------------|------------------------------|
| Từ 1 năm trở xuống (xem thuyết minh V.19) | 8.343.295.264 | 3.536.331.616 |
| Trên 1 năm đến 5 năm | 29.908.525.818 | 11.984.231.651 |
| Trên 5 năm | 7.290.000.000 | 8.325.000.000 |
| Tổng nợ | <u>45.541.821.082</u> | <u>23.845.563.267</u> |

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ dài hạn

| | Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam - Chi nhánh Tân Sơn Nhất | Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Hoàng Quốc Việt | Cộng |
|--|--|--|------------------------------|
| Số đầu năm | 7.347.731.651 | 12.465.000.000 | 20.309.231.651 |
| Số tiền vay phát sinh | 24.960.975.947 | | 24.960.975.947 |
| Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện | 767.226.378 | | 767.226.378 |
| Số tiền vay đã trả | | (496.500.000) | (496.500.000) |
| Kết chuyển sang nợ dài hạn đến hạn trả | (7.308.295.264) | (1.035.000.000) | (8.343.295.264) |
| Số cuối năm | <u>25.768.525.818</u> | <u>11.430.000.000</u> | <u>37.198.525.818</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI CHÂU

Địa chỉ: Tổ 23, cụm 4, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

27. **Vốn chủ sở hữu**

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

| | Vốn đầu tư của chủ sở hữu | Thặng dư vốn cổ phần | Cổ phiếu quỹ | Quỹ đầu tư phát triển | Quỹ dự phòng tài chính | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Cộng |
|-----------------------------------|----------------------------------|-----------------------------|---------------------|------------------------------|-------------------------------|--|------------------------|
| Số đầu năm trước | 27.244.780.000 | 1.440.000.000 | | 697.000.775 | | 8.452.570.054 | 37.834.350.829 |
| Cổ đông góp vốn | 136.508.000.000 | 28.405.595.500 | | | | | 164.913.595.500 |
| - Góp bằng tiền | 129.969.250.000 | 28.405.595.500 | | | | | 158.374.845.500 |
| - Trả cổ tức bằng cổ phiếu | 6.538.750.000 | | | | | (6.538.750.000) | |
| Chi phí phát hành cổ phiếu | | (150.000.000) | | | | | (150.000.000) |
| Mua cổ phiếu quỹ | | | (3.010.000) | | | | (3.010.000) |
| Lợi nhuận trong năm trước | | | | | | 15.073.490.652 | 15.073.490.652 |
| Trích lập các quỹ trong năm trước | | | | 786.668.070 | 236.000.421 | (1.258.668.912) | (236.000.421) |
| Thù lao hội đồng quản trị | | | | | | (70.000.000) | (70.000.000) |
| Số dư cuối năm trước | 163.752.780.000 | 29.695.595.500 | (3.010.000) | 1.483.668.845 | 236.000.421 | 15.658.641.794 | 210.823.676.560 |
| Số dư đầu năm nay | 163.752.780.000 | 29.695.595.500 | (3.010.000) | 1.483.668.845 | 236.000.421 | 15.658.641.794 | 210.823.676.560 |
| Lợi nhuận trong kỳ này | | | | | | 7.682.678.590 | 7.682.678.590 |
| Phát hành cổ phiếu thu bằng tiền | 171.247.220.000 | (71.418.900) | | | | | 171.175.801.100 |
| Trả cổ tức bằng cổ phiếu | 12.730.000.000 | | | | | (12.730.000.000) | |
| Trích lập các quỹ trong năm nay | | | | 1.507.349.066 | 452.204.720 | (2.411.758.506) | (452.204.720) |
| Thù lao hội đồng quản trị | | | | | | (62.000.000) | (62.000.000) |
| Số dư cuối năm nay | 347.730.000.000 | 29.624.176.600 | (3.010.000) | 2.991.017.911 | 688.205.141 | 8.137.561.878 | 389.167.951.530 |

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI CHÂU

Địa chỉ: Tổ 23, cụm 4, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|-------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Vốn góp của các cổ đông | 347.730.000.000 | 163.752.780.000 |
| Thặng dư vốn cổ phần | 29.624.176.600 | 29.695.595.500 |
| Cổ phiếu quỹ | (3.010.000) | (3.010.000) |
| Cộng | <u>377.351.166.600</u> | <u>193.445.365.500</u> |

Cổ tức

Cổ tức đã chi trả như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---|----------------|------------------|
| Trả cổ tức năm trước bằng cổ phiếu (tỷ lệ 3,8% vốn điều lệ) | 12.730.000.000 | 6.538.750.000 |

Cổ phiếu

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|--------------------|-------------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 34.730.000 | 16.375.278 |
| Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành | 34.730.000 | 16.375.278 |
| Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại | 301 | 301 |
| Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành | 34.729.699 | 16.374.977 |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|----------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Doanh thu bán hàng hóa | 385.518.719.099 | 265.804.569.648 |
| Doanh thu bán thành phẩm | 28.443.447.764 | 30.216.041.674 |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ | 150.000.000 | 2.254.545.454 |
| Cộng | <u>414.112.166.863</u> | <u>298.275.156.776</u> |

2. Giá vốn hàng bán

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|------------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp | 365.989.492.457 | 241.662.768.434 |
| Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp | 19.034.576.642 | 25.551.829.229 |
| Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | (869.653.923) | (993.368.493) |
| Cộng | <u>384.154.415.176</u> | <u>266.221.229.170</u> |

3. Doanh thu hoạt động tài chính

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---------------------------|----------------|------------------|
| Lãi tiền gửi có kỳ hạn | 1.573.777.778 | |
| Lãi tiền gửi không kỳ hạn | 111.871.872 | 65.078.175 |
| Lãi tiền cho vay | 4.565.711.112 | 2.096.098.089 |

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI CHÂU

Địa chỉ: Tổ 23, cụm 4, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|-----------------------|-----------------------|
| Cổ tức, lợi nhuận được chia | | 1.971.800.000 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện | 367.092.646 | 46.799.754 |
| Lãi chuyển nhượng vốn góp | 6.375.000.000 | |
| Cộng | 12.993.453.408 | 4.179.776.018 |
| 4. Chi phí tài chính | | |
| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
| Chi phí lãi vay | 18.355.128.480 | 6.447.549.623 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện | 702.703.085 | 791.857.672 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện | 2.025.515.797 | 1.595.240.440 |
| Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn | 3.982.925.922 | 2.148.711.568 |
| Cộng | 25.066.273.284 | 10.983.359.303 |
| 5. Chi phí bán hàng | | |
| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
| Chi phí cho nhân viên | 271.242.185 | 33.735.000 |
| Chi phí bảo hành | | 189.672.727 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 2.794.300.538 | 1.156.755.484 |
| Chi phí bằng tiền khác | 38.613.243 | 98.696.724 |
| Cộng | 3.104.155.966 | 1.478.859.935 |
| 6. Chi phí quản lý doanh nghiệp | | |
| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
| Chi phí cho nhân viên | 2.446.310.192 | 724.842.032 |
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | | 1.819.000 |
| Chi phí đồ dùng văn phòng | 41.072.730 | 83.968.630 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 600.911.343 | 525.239.199 |
| Thuế, phí và lệ phí | 778.631.791 | 465.228.253 |
| Chi phí dự phòng | 38.318.680 | 208.808.996 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 3.899.417.746 | 1.664.141.241 |
| Chi phí bằng tiền khác | 821.340.400 | 956.544.889 |
| Cộng | 8.626.002.882 | 4.630.592.240 |
| 7. Thu nhập khác | | |
| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
| Lãi do đánh giá lại tài sản cố định đưa đi góp vốn | | 295.454.545 |
| Thuế nhập khẩu được hoàn | 3.403.594.384 | 593.316.575 |
| Thu nhập do điều chỉnh thuế các năm trước | | 78.175.575 |
| Xử lý thừa do kiểm kê hàng tồn kho | 80.328.549 | |
| Thu khác | 2.807.865 | 20.474.200 |
| Cộng | 3.486.730.798 | 987.420.895 |

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI CHÂU

Địa chỉ: Tổ 23, cụm 4, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Chi phí khác

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|----------------------------------|---------------------------|---------------------------|
| Phạt do vi phạm hợp đồng | | 73.855.945 |
| Phạt do chậm nộp thuế | 282.179.466 | 431.069.201 |
| Xử lý công nợ không thu hồi được | | |
| Các khoản khác | 817.119 | 38.977.292 |
| Cộng | <u>282.996.585</u> | <u>543.902.438</u> |

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Công ty không tính chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại chuẩn mực kế toán số 30 về “Lãi trên cổ phiếu” yêu cầu trường hợp Công ty phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo qui định của chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Các giao dịch không bằng tiền

Trong năm Công ty phát sinh các giao dịch không bằng tiền như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|------------------------------|-----------------------------|
| Chia cổ tức năm trước bằng cổ phiếu | 12.730.000.000 | 6.538.750.000 |
| Góp vốn vào Công ty liên kết bằng tài sản | | 450.000.000 |
| Góp vốn vào Công ty liên kết bằng bù trừ công nợ | 1.900.000.000 | |
| Cộng | <u>14.630.000.000</u> | <u>6.988.750.000</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI CHÂU

Địa chỉ: Tổ 23, cụm 4, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Áp dụng qui định kế toán mới

Ngày 06 tháng 11 năm 2009 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính và được áp dụng để trình bày và thuyết minh các công cụ tài chính trên Báo cáo tài chính từ năm 2011 trở đi.

Theo yêu cầu của Thông tư này Công ty cũng đã bổ sung thêm các thuyết minh từ VIII.5 đến VIII.9 dưới đây.

Ngoài ra, Thông tư này cũng yêu cầu Công ty phải xem xét các điều khoản trong công cụ tài chính phức hợp để xác định liệu công cụ đó có bao gồm các thành phần nợ phải trả và thành phần vốn chủ sở hữu hay không. Phần được phân loại là nợ phải trả được trình bày riêng biệt với phần được phân loại là tài sản tài chính hoặc vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán. Yêu cầu của Thông tư này không ảnh hưởng đến tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty do Công ty chưa phát hành các công cụ tài chính phức hợp.

2. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--------------------------------------|----------------|------------------|
| Hội đồng quản trị | | |
| Tạm ứng | 45.000.000.000 | 15.000.000.000 |
| Cho Công ty vay không tính lãi | | 9.509.891.000 |
| Công ty thanh toán tiền gốc vay | | 13.581.360.000 |
| Vay tiền công ty | 9.300.000.000 | |
| Công ty cung cấp lắp đặt nội thất gỗ | 3.217.710.450 | |
| Ban kiểm soát | | |
| Tạm ứng | 10.000.000.000 | |

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|-------------------------|------------------------------|------------------------------|
| Hội đồng quản trị | 72.443.481.495 | 15.000.000.000 |
| Ban kiểm soát | 10.000.000.000 | |
| Cộng nợ phải thu | <u>82.443.481.495</u> | <u>15.000.000.000</u> |

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---------------|----------------|------------------|
| Tổng thu nhập | 429.629.445 | 257.110.580 |

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

| <u>Bên liên quan</u> | <u>Mối quan hệ</u> |
|---|--------------------|
| Công ty Cổ phần DC Phú Hà | Công ty con |
| Công ty TNHH Thương mại - Xuất nhập khẩu Đại Châu | Công ty con |
| Công ty Cổ phần Xuân Minh SĐ Thanh Hoa | Công ty liên kết |

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI CHÂU

Địa chỉ: Tổ 23, cụm 4, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|-----------------------|-----------------------|
| Công ty Cổ phần DC Phú Hà | | |
| Bán hàng hóa cho Công ty Phú Hà | 14.402.888.174 | 24.990.909.091 |
| Thuế GTGT của hàng hóa | 1.440.288.822 | 2.499.090.909 |
| Doanh thu phí điều hành | 150.000.000 | 2.254.545.455 |
| Lãi tiền cho vay phải thu | 528.000.000 | 428.909.200 |
| Cổ tức được chia | | 1.171.800.000 |
| Góp vốn điều lệ | | 4.000.000.000 |
| Cho Công ty Phú Hà vay tiền | 11.000.000.000 | |
| Thu hồi tiền cho vay | 2.500.000.000 | 1.700.000.000 |
| Thu lãi tiền cho vay | 252.266.667 | |
| Công ty TNHH Thương mại - Xuất nhập khẩu Đại Châu | | |
| Góp vốn điều lệ | | 2.500.000.000 |
| Doanh thu phí điều hành | 68.181.818 | |
| Lợi nhuận được chia | | 800.000.000 |
| Thu tiền phí điều hành | 75.000.000 | |
| Công ty Cổ phần Xuân Minh SĐ Thanh Hoa | | |
| Doanh thu bán hàng hóa | 1.727.272.728 | |
| Góp vốn, trong đó: | 16.000.000.000 | 15.000.000.000 |
| <i>Bằng tiền mặt</i> | <i>1.000.000.000</i> | <i>11.600.000.000</i> |
| <i>Bằng tiền gửi ngân hàng</i> | <i>13.100.000.000</i> | <i>2.950.000.000</i> |
| <i>Tài sản cố định</i> | | <i>450.000.000</i> |
| <i>Bù trừ công nợ</i> | <i>1.900.000.000</i> | |
| Cho vay ngắn hạn | 250.000.000 | 30.000.000.000 |
| Lãi cho vay phải thu | 2.275.000.000 | 198.888.889 |
| Lãi cho vay đã thu | 965.555.556 | |

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|-----------------------|-----------------------|
| Công ty Cổ phần DC Phú Hà | | |
| Phải thu tiền bán hàng hóa | 12.761.176.996 | 1.171.800.000 |
| Tiền cho vay | 3.733.176.996 | |
| Lãi cho vay | 8.500.000.000 | |
| Cổ tức phải thu | 528.000.000 | 1.171.800.000 |
| Công ty Cổ phần Xuân Minh SĐ Thanh Hoa | | |
| Cho vay ngắn hạn | 32.525.000.000 | 30.198.888.889 |
| Lãi cho vay ngắn hạn | 30.250.000.000 | 30.000.000.000 |
| Lãi cho vay ngắn hạn | 2.275.000.000 | 198.888.889 |
| Cộng nợ phải thu | 45.286.176.996 | 31.370.688.889 |

3. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI CHÂU

Địa chỉ: Tổ 23, cụm 4, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh.

- Lĩnh vực sản xuất: Sản xuất đồ gỗ.
- Lĩnh vực thương mại: Kinh doanh ô tô, mũ cao su.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

| | <u>Lĩnh vực thương mại</u> | <u>Lĩnh vực sản xuất và dịch vụ</u> | <u>Các khoản loại trừ</u> | <u>Cộng</u> |
|--|----------------------------|-------------------------------------|---------------------------|------------------------|
| Năm nay | | | | |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài | 385.518.719.099 | 28.593.447.764 | | 414.112.166.863 |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận | | | | |
| Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 385.518.719.099 | 28.593.447.764 | | 414.112.166.863 |
| Kết quả kinh doanh theo bộ phận | 20.398.880.565 | 9.558.871.122 | | 29.957.751.687 |
| Các chi phí không phân bổ theo bộ phận | | | | (11.730.158.848) |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | | | | 18.227.592.839 |
| Doanh thu hoạt động tài chính | | | | 12.993.453.408 |
| Chi phí tài chính | | | | (25.651.016.347) |
| Thu nhập khác | | | | 3.486.730.798 |
| Chi phí khác | | | | (282.996.585) |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | | | | (1.660.969.787) |
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | | | | 7.112.794.326 |

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

| | <u>Lĩnh vực thương mại</u> | <u>Lĩnh vực sản xuất</u> | <u>Các khoản loại trừ</u> | <u>Cộng</u> |
|--|----------------------------|--------------------------|---------------------------|------------------------|
| Số cuối năm | | | | |
| Tài sản trực tiếp của bộ phận | 10.909.679.685 | 82.036.353.434 | | 92.946.033.119 |
| Tài sản phân bổ cho bộ phận | | | | |
| Các tài sản không phân bổ theo bộ phận | | | | 425.932.357.639 |
| Tổng tài sản | | | | 518.878.390.758 |
| Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận | 307.693.490 | 8.665.575.420 | | 8.973.268.910 |
| Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận | 26.309.253.680 | 36.668.816.868 | | 62.978.070.548 |
| Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận | | | | 58.328.984.034 |
| Tổng nợ phải trả | | | | 130.280.323.492 |

Khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI CHÂU

Địa chỉ: Tổ 23, cụm 4, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Thuê hoạt động

Các hợp đồng đi thuê

Công ty thuê nhà xưởng có diện tích 5.297 m² để xây dựng nhà máy sản xuất gỗ tại tổ 23, cụm 4, Nhật Tân, Tây Hồ, Hà Nội với thời gian 20 năm kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2001. Giá thuê của hợp đồng là 12.000.000 VND/tháng.

Công ty thuê văn phòng tại tòa nhà 59 Quang Trung, Nguyễn Du, Hai Bà Trưng, Hà Nội theo hợp đồng thuê văn phòng số 987/HĐTVP-HACC1 ngày 14 tháng 7 năm 2010. Thời hạn của hợp đồng là 05 năm với giá thuê là 6.716,25 USD/tháng

Công ty thuê phần sân để chứa gỗ với diện tích 5.700m² trên khu đất 14.233 m² thuộc quyền sở hữu của Công ty Cổ phần DC Phú Hà (Công ty con) tại khu công nghiệp Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội theo hợp đồng số 2106/2011/HDTNX ngày 21 tháng 06 năm 2011. Thời hạn của hợp đồng là 02 năm kể từ ngày 01 tháng 07 năm 2011 với giá thuê 66.000 VND/m²/tháng, tương ứng 376.200.000 VND/tháng.

5. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

| | Giá trị sổ sách | | Giá trị hợp lý | |
|------------------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
| | Số cuối năm | Số đầu năm | Số cuối năm | Số đầu năm |
| Tài sản tài chính | | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 1.497.482.224 | 3.919.041.704 | 1.497.482.224 | 3.919.041.704 |
| Phải thu khách hàng | 58.488.381.328 | 5.885.901.272 | 58.488.381.328 | 5.885.901.272 |
| Các khoản cho vay | 54.550.000.000 | 35.000.000.000 | 54.550.000.000 | 35.000.000.000 |
| Các khoản phải thu khác | 132.727.703.392 | 16.979.171.383 | 132.727.703.392 | 16.979.171.383 |
| Cộng | 247.263.566.944 | 61.784.114.359 | 247.263.566.944 | 61.784.114.359 |
| Nợ phải trả tài chính | | | | |
| Phải trả cho người bán | 1.074.081.181 | 11.647.847.569 | 1.074.081.181 | 11.647.847.569 |
| Vay và nợ | 108.525.641.630 | 98.375.647.415 | 108.525.641.630 | 98.375.647.415 |
| Các khoản phải trả khác | 1.546.219.587 | 1.395.225.646 | 1.546.219.587 | 1.395.225.646 |
| Cộng | 111.145.942.398 | 111.418.720.630 | 111.145.942.398 | 111.418.720.630 |

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải trả cho người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu và cho vay có lãi suất cố định hoặc thay đổi được đánh giá dựa trên các thông tin như lãi suất, rủi ro, khả năng trả nợ và tính chất rủi ro liên quan đến khoản nợ. Trên cơ sở đánh giá này Công ty ước tính dự phòng cho phần có khả năng không thu hồi được.
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá công bố giao dịch tại ngày kết thúc năm tài chính. Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết được ước tính bằng các phương pháp định giá phù hợp.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI CHÂU

Địa chỉ: Tổ 23, cụm 4, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính là tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ khoản rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc các đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động ở nhiều lĩnh vực khác nhau.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

7. Tài sản đảm bảo

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Công ty đã thế chấp tài sản cố định hữu hình để đảm bảo cho các khoản vay của ngân hàng (xem thuyết minh số V.10 và V.11). Thông tin về việc thế chấp tài sản cho đơn vị khác như sau:

| <u>Tài sản thế chấp</u> | <u>Giá trị sổ sách</u> | <u>Điều khoản và điều kiện thế chấp</u> |
|-------------------------|------------------------|---|
| Số cuối năm | | |
| Máy móc thiết bị | 45.079.593.049 | Thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay |
| Quyền sử dụng đất | 25.000.000.000 | Thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay |
| Cộng | 70.079.593.049 | |
| Số đầu năm | | |
| Máy móc thiết bị | 19.880.264.823 | Thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay |
| Quyền sử dụng đất | 25.000.000.000 | Thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay |
| Cộng | 44.880.264.823 | |

8. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

| | <u>Từ 1 năm trở xuống</u> | <u>Trên 1 năm đến 5 năm</u> | <u>Trên 5 năm</u> | <u>Cộng</u> |
|-------------------------|---------------------------|-----------------------------|----------------------|------------------------|
| Số cuối năm | | | | |
| Phải trả cho người bán | 1.074.081.181 | | | 1.074.081.181 |
| Vay và nợ | 71.327.115.812 | 29.908.525.818 | 7.290.000.000 | 108.525.641.630 |
| Các khoản phải trả khác | 1.537.079.187 | 9.140.400 | | 1.546.219.587 |
| Cộng | 73.938.276.180 | 29.917.666.218 | 7.290.000.000 | 111.145.942.398 |

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI CHÂU

Địa chỉ: Tổ 23, cụm 4, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

| | Từ 1 năm trở xuống | Trên 1 năm đến 5 năm | Trên 5 năm | Cộng |
|-------------------------|---------------------------|-----------------------------|----------------------|------------------------|
| Số đầu năm | | | | |
| Phải trả cho người bán | 11.647.847.569 | | | |
| Vay và nợ | 78.066.415.764 | 11.984.231.651 | 8.325.000.000 | 98.375.647.415 |
| Các khoản phải trả khác | 1.386.085.246 | 9.140.400 | | 1.395.225.646 |
| Cộng | 91.100.348.579 | 11.993.372.051 | 8.325.000.000 | 111.418.720.630 |

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

9. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Với giả định các biến số khác không thay đổi, độ nhạy của lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty đối với các thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý của tỷ giá USD như sau:

| | Thay đổi tỷ giá USD (%) | Ảnh hưởng đến Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu |
|--------------------------------|--------------------------------|--|
| Năm nay | | |
| Ảnh hưởng của việc tăng tỷ giá | + 2 | (488.293.234) |
| Ảnh hưởng của việc giảm tỷ giá | - 2 | 488.293.234 |
| Năm trước | | |
| Ảnh hưởng của việc tăng tỷ giá | + 2 | (169.878.119) |
| Ảnh hưởng của việc giảm tỷ giá | - 2 | 169.878.119 |

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, cho vay và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Với giả định các biến số khác không thay đổi, biến động của lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty đối với thay đổi của lãi suất đối với các khoản vay có lãi suất thả nổi như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI CHÂU

Địa chỉ: Tổ 23, cụm 4, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

| | Thay đổi lãi suất (%) | Ảnh hưởng đến Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu |
|----------------------------------|------------------------------|--|
| Năm nay | | |
| Ảnh hưởng của việc tăng lãi suất | + 2 | (1.627.884.624) |
| Ảnh hưởng của việc giảm lãi suất | - 2 | 1.627.884.624 |
| Năm trước | | |
| Ảnh hưởng của việc tăng lãi suất | + 2 | (1.475.634.711) |
| Ảnh hưởng của việc giảm lãi suất | - 2 | 1.475.634.711 |

Mức thay đổi lãi suất sử dụng để phân tích được giả định trên điều kiện có thể quan sát được của thị trường hiện tại.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lập, ngày 30 tháng 3 năm 2012
Giám đốc

Vương Thị Ánh Duyên

Đặng Thanh Nga

Đường Đức Hóa